

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
vật liệu xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận
2. Ông Trần Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 52/2023/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 52/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần X**, địa chỉ trụ sở: **A L, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng**. Đại diện theo ủy quyền: Chi nhánh **Công ty Cổ phần X – Xí nghiệp X**, địa chỉ: **G D, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng**. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Huy H**, chức vụ: giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đình Minh T**. Ông **T** có mặt.

- Bị đơn: **Công ty TNHH P**, địa chỉ: **D N, tổ B, phường A, quận T, Tp Đà Nẵng**. Đại diện: Ông **Nguyễn Thanh H1**, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2023; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Lê Đình Minh T** trình bày:*

Ngày 01/04/2014, Bên B - Chi nhánh **Công ty TNHH MTV X** (nay là Chi nhánh **Công ty Cổ phần X - Xí nghiệp X**, sau đây gọi là "Xí nghiệp 309") và Bên

A - Công ty TNHH P (sau đây gọi là "Công ty P") có ký Hợp đồng kinh tế mua bán vật liệu xây dựng số 35/HĐMBVLXD/2014.

Theo nội dung hợp đồng, Xí nghiệp 309 bán cho Công ty P hàng hóa là các loại vật liệu xây dựng như: đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá hộc thường, bột đá,... theo đơn giá mà hai bên đã thỏa thuận. Thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 19/12/2022, Công ty P còn nợ Xí nghiệp 309 số tiền mua hàng là 44.207.900 đồng (theo Biên bản làm việc về việc thu hồi công nợ khách hàng mua vật liệu xây dựng ký ngày 19/12/2022 giữa Xí nghiệp X và Công ty P).

Từ ngày 20/12/2022 đến nay, Công ty P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán - số tiền 44.207.900 đồng theo biên bản làm việc giữa hai bên vào ngày 19/12/2022. Mặc dù Xi nghiệp 309 đã nhiều lần đề nghị thanh toán công nợ nhưng Công ty P vẫn không thực hiện việc thanh toán. Nay, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty cổ phần X khởi kiện Công ty TNHH P ra Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng để được giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xem xét thụ lý giải quyết và tuyên buộc:

1. Công ty TNHH P phải trả cho Công ty cổ phần X số tiền mua hàng còn thiếu là 44.207.900 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn chín trăm đồng);

2. Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty cổ phần X tiền lãi chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày khởi kiện 30/01/2024) với số tiền cụ thể là: Số tiền lãi chậm thanh toán = 44.207.900 đồng x 406 ngày x (7,5%/365) = 3.688.028 đồng. Trong đó: - 44.207.900 đồng là số tiền chậm trả 406 ngày là thời gian chậm trả 7,5% là mức lãi suất chậm thanh toán được tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đ. Số tiền lãi chậm thanh toán này là tạm tính và sẽ được tiếp tục tính cho đến khi Công ty TNHH P thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền 44.207.900 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tuyên buộc Công ty TNHH P phải trả cho Công ty cổ phần X số tiền 48.649.885 đ, trong đó số tiền mua hàng còn thiếu là 44.207.900 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy nghìn chín trăm đồng), tiền lãi chậm thanh toán (tạm tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày xét xử 22/4/2024) với số tiền cụ thể là: Số tiền lãi chậm thanh toán = 44.207.900 đồng x 489 ngày x (7,5%/365) = 4.441.985 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH P vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập lệ nhiều lần. Tại bản tự khai ngày 30 tháng 01 năm 2024, biên bản hòa giải ngày 30 tháng 01 năm 2024, biên bản hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2024, đại diện bị đơn ông Nguyễn Thanh HI trình bày: Tôi xác nhận tôi có nợ Chi nhánh Công ty Cổ phần X - Xí nghiệp 309 số tiền 44.207.900 đồng trong quá trình mua bán vật liệu xây dựng. Tôi đã trả nợ cho Xí nghiệp 309 phần lớn số tiền, tuy nhiên chỉ còn số nợ trên. Đến nay tôi không còn khả năng trả nợ với lý do

các Công ty đối tác tôi cung cấp vật tư xây dựng không chịu trả nợ cho tôi. Trong khi đó Công ty X cũng nợ các Công ty này một số tiền khá lớn. Nay tôi chỉ mong các Công ty đối tác trả nợ cho tôi để tôi có khả năng trả nợ cho Công ty X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Cổ phần X khởi kiện đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn P về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng". Công ty trách nhiệm hữu hạn P có trụ sở tại quận T, thành phố Đà Nẵng, do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Tại phiên tòa, Công ty trách nhiệm hữu hạn P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ngày 01/04/2014, Chi nhánh Công ty TNHH MTV X (nay là Chi nhánh Công ty Cổ phần X) và Công ty TNHH P có ký Hợp đồng kinh tế mua bán vật liệu xây dựng số 35/HĐMBVLXD/2014. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định tại Chương II Luật thương mại.

Thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty Cổ phần X – Xí nghiệp X đã giao dịch mua bán vật liệu xây dựng với Công ty TNHH P. Ngày 19 tháng 12 năm 2022, Chi nhánh Công ty Cổ phần X – Xí nghiệp X và Công ty TNHH P có ký Biên bản làm việc về việc thu hồi công nợ khách hàng mua VLXD, nội dung Công ty TNHH P xác nhận còn nợ số tiền hàng là 44.207.900 đồng. Tại các biên bản hòa giải tại Tòa án, đại diện bị đơn Công ty TNHH P cũng xác nhận nợ số tiền này. Tuy nhiên đến nay Công ty TNHH P vẫn chưa thanh toán số tiền trên. Như vậy, Công ty TNHH P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 4 của Hợp đồng số 35/HĐMBVLXD/2014 ngày 01 tháng 4 năm 2014 và vi phạm quy định tại Điều 50, 55 Luật thương mại. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X đối với Công ty TNHH P về số tiền hàng còn thiếu là 44.207.900 đồng.

Đối với yêu cầu về số nợ lãi chậm thanh toán đối với số tiền 44.207.900 đồng tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 22/4/2024 với lãi suất 7,5% (là mức lãi suất chậm thanh toán được tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Đ) là 4.441.985 đồng: Tại Điều 4 Phương thức và Điều kiện thanh toán của Hợp đồng kinh tế mua bán vật liệu xây dựng số 35/HĐMBVLXD/2014 ngày 01/4/2014 được ký kết giữa các bên thể hiện: "... bên A chưa thanh toán cho bên B thì bên A phải chịu mức lãi suất theo lãi suất cho vay ngắn hạn tại ngân hàng Công thương thành phố C đối với các khoản trả chậm và số tiền này được phản ánh trong bảng đối chiếu công nợ". Do bị đơn Công ty TNHH P vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền hàng còn thiếu là 44.207.900 đồng (số tiền này đã được thể hiện trong

bảng đối chiếu công nợ ngày 19/12/2022) nên bị đơn Công ty TNHH P phải chịu tiền lãi chậm thanh toán đối với số tiền 44.207.900 đồng tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 22/4/2024 với lãi suất 7,5% tương ứng với số tiền 4.441.985 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng đã ký kết, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Tổng số tiền Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X là: 44.207.900đ + 4.441.985đ = 48.649.885 đ (Bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng)

[3] Về án phí: Công ty TNHH P phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0001054 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, 55, 306 Luật thương mại; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần X đối với bị đơn Công ty TNHH P về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng".

1. Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X số tiền 48.649.885 đ (Bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 44.207.900 đồng, tiền lãi là 4.441.985 đồng.

Kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

2. Về án phí: Công ty TNHH P phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0001054 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Hưng